TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày: 20/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phan Thị Phương
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Phạm Tiến Dũng
2. Ông Lê Liêm

Thư ký phiên toà: Bà Khuất Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo.

1. Sý Văn S (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1990 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT: Bản T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Chỗ ở hiện nay: Bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Sý Văn N, sinh năm 1960 và bà Mò Thị O, sinh năm 1962; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 02/3/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xử phạt 07 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 3 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đến ngày 07/4/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt, tính đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/12/2017, đến ngày 17/01/2018 bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang Bảo lĩnh cho đến nay "có mặt".

2. Lê Thị N (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1987 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT: Tổ 24, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Chỗ ở hiện nay: Bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Không biết và bà Lê Thị T, sinh năm 1958; Chồng: Mai Hồng G, sinh năm 1984 (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/12/2017 cho đến nay "có mặt".

- *Người bào chữa cho bị cáo Sý Văn S:* Ông Nguyễn Công H - Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu "có mặt".

- *Bị hại:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1984 - Trú tại: Tổ 23, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu "có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Lò Thị L, sinh năm 1951- Trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu "vắng mặt có lý do".

+ Bà Lê Thị T, sinh năm 1958- Trú tại: Tổ 24, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 03/12/2017, Sý Văn S chở Lê Thị N đi chơi bằng xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO SX biển kiểm soát 37E1-26858 (xe của mẹ đẻ N là bà Lê Thị T), trên đường đi S rủ N đi trộm cắp gà về bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, N đồng ý rồi N chở S đi đến nhà chị Đỗ Thị H, sinh năm 1984 thuộc tổ 23, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu. Khi đi S mang theo 01 kìm cộng lực và 02 chiếc bao tải. Đến nơi, S đi vào phía nhà kho nhà chị H, còn N điều khiển xe mô tô đi đến khu vực Nhà nghỉ T thuộc tổ 23, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu đợi S. Sau khi N đi, S dùng kìm cộng lực cắt khóa cửa trước nhà kho nhà chị H, đi vào bên trong thì phát hiện có 01 chuồng gà, S liền mở cửa chuồng gà và bắt toàn bộ gà trong chuồng cho vào trong hai bao tải mang theo và mang ra ngoài bằng cửa phía sau nhà kho, sau đó gọi điện cho N, bảo N đến đón. N điều khiển xe mô tô quay lại gặp S rồi cả hai mang hai bao gà trộm cắp được đi về nhà N ở bản S, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu bỏ ra đếm được 19 con, trong đó có 13 con gà mái và 06 con gà trống rồi cho toàn bộ gà vào lồng sắt của nhà N. Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 04/12/2017, S chở N đến chợ M, huyện P, tỉnh Lai Châu bán toàn bộ số gà trộm cắp được cho bà Lò Thị L, sinh năm 1951, trú tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu có trọng lượng 32 kg được 2.100.000 đồng. Sau đó, S, N đi về thành phố L thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu phát hiện, bắt giữ và thu giữ của Lê Thị N 01xe mô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO SX biển kiểm soát 37E1-26858; 01 điện thoại di động Sam Sung Dous màu vàng bên trong có 01 sim điện thoại Viettel và 01 thẻ nhớ 16GB và số tiền 2.100.000 đồng; thu giữ của Sý Văn S 01 điện thoại Q-Mobile màu trắng, bên trong có 02 sim điện thoại Viettel và 01 thẻ nhớ 2GB. Cùng ngày 04/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lai Châu khám xét nơi ở của Lê Thị N thu giữ 01 kìm cộng lực và 02 bao tải để đựng gà nêu trên.

Ngày 04/12/2017 bà Lò Thị L đã nộp lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra 17 con gà trong đó có 12 con gà mái, 05 con gà trống có tổng trọng lượng là 28,8 kg và số tiền 320.000 đồng, còn 01 con gà trống và 01 con gà mái có trọng lượng 3,2 kg bà L đã bán cho người đi đường không rõ lai lịch, địa chỉ với giá 320.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Sý Văn S, Lê Thị N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: 01xe mô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO SX biển kiểm soát 37E1-26858 và 01 kìm cộng lực là của

mẹ đẻ N là bà Lê Thị T; 01 điện thoại di động Sam Sung Dous màu vàng bên trong có 01 sim điện thoại Viettel và 01 thẻ nhớ 16GB là của bị cáo Lê Thị N, 01 điện thoại Q-Mobile màu trắng, bên trong có 02 sim điện thoại Viettel và 01 thẻ nhớ 2GB là của Sý Văn S, là các điện thoại bị cáo N và S dùng để liên lạc với nhau đến chở gà trộm cắp về nhà; số tiền 2.100.000 đồng là tiền N và S bán gà trộm cắp mà có; 02 bao tải màu vàng là của nhà N.

Người bị hại là chị Đỗ Thị H có mặt tại phiên tòa trình bày: Thời gian, địa điểm, số lượng và đặc điểm gà của chị bị trộm cắp phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra bà L trình bày: Vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 04/12/2017 bà có mua 19 con gà gồm 06 con gà trống và 13 con gà mái có tổng trọng lượng 32 kg với giá 2.100.000 đồng của bị cáo Sý Văn S và Lê Thị N. Khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày bà L đã bán 01 con gà trống và 01 con gà mái có tổng trọng lượng 3,2 kg cho người đi đường không rõ lai lịch, địa chỉ với giá 320.000 đồng. Khi bà L mua số gà trên không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên hành vi của bà L không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T có mặt tại phiên tòa trình bày: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO SX biển kiểm soát 37E1-26858 và 01 chiếc kìm cộng lực là của bà, bị cáo N và S sử dụng chiếc xe mô tô và chiếc kìm trên vào việc phạm tội bà không biết. Lời khai của bà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Đỗ Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T và bà Lò Thị L không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Tại kết luận định giá tài sản số 37/KLĐG ngày 05/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Lai Châu kết luận: 19 con gà, tổng trọng lượng 32 kg có giá là 4.160.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKSTP ngày 06/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu đã truy tố các bị cáo Sý Văn S, Lê Thị N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Sý Văn S, Lê Thị N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Sý Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam là 01 tháng 12 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999; Xử phạt bị cáo Lê Thị N từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Căn cứ khoản 5 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Căn cứ Điều 41Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bà Lê Thị T 01xe mô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO SX biển kiểm soát 37E1-26858.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Sam Sung Dous màu vàng bên trong có 01 sim điện thoại Viettel và 01 thẻ nhớ 16GB; 01 điện thoại Q-Mobile màu trắng, bên trong có 02 sim điện thoại Viettel và 01 thẻ nhớ 2GB.

- Tịch thu tiêu hủy 01 kìm cộng lực, 02 bao tải màu vàng.

- Trả lại cho bà Lò Thị L 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng chẵn);

- Trả lại cho chị Đỗ Thị H 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Sý Văn S có ý kiến như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo S được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã thu hồi và trả lại cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; đề nghị Hội đồng xét xử trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO SX biển kiểm soát 37E1-26858 và 01 chiếc kìm cộng lực cho bà Lê Thị T vì là tài sản hợp pháp của bà T.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên chấp nhận đề nghị của người bào chữa là áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 cho bị cáo Sý Văn S vì tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; chấp nhận đề nghị trả lại 01 kìm cộng lực cho bà Lê Thị T vì là tài sản hợp pháp của bà T.

Tại lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 03/12/2017 tại nhà chị Đỗ Thị H, sinh năm 1984 thuộc tổ 23, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu, lợi dụng trời tối, các bị cáo Sý Văn S và Lê Thị N có hành vi lén lút trộm cắp 19 con gà có trọng lượng 32 kg có giá trị là 4.160.000 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi

phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo Sý Văn S, Lê Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Sý Văn S là người khởi xướng và thực hành, bị cáo Lê Thị N là người giúp sức. Do đó không có cơ sở chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo S được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo Sý Văn S, ngày 02/3/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xử phạt 07 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 3 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đến ngày 07/4/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt, tính đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích. Do vậy, bị cáo Sý Văn S phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo đều thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Lê Thị N có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa người bị hại là chị Đỗ Thị H xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: 17 con gà là tài sản hợp pháp của chị Đỗ Thị H, ngày 05/12/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lai Châu đã trả lại tài sản trên cho chị H nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

01xe mô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO SX biển kiểm soát 37E1-26858 và 01 kìm cộng lực là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị T. Khi bị cáo N và bị cáo S sử dụng

chiếc xe và kìm trên vào việc phạm tội bà T không biết nên cần trả lại cho bà Lê Thị T theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999.

01 điện thoại di động Sam Sung Dous màu vàng bên trong có 01 sim điện thoại Viettel và 01 thẻ nhớ 16GB là của bị cáo Lê Thị N; 01 điện thoại Q-Mobile màu trắng, bên trong có 02 sim điện thoại Viettel và 01 thẻ nhớ 2GB là của bị cáo Sý Văn S, các bị cáo dùng các điện thoại trên làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999.

02 bao tải màu vàng là của bị cáo N, các bị cáo đã sử dụng làm công cụ phạm tội. Xét giá trị sử dụng không còn nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 2.100.000 đồng mà Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo N là tiền hợp pháp của bà Lò Thị L nên cần trả lại cho bà L theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với số tiền 320.000 đồng mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của bà Lò Thị L, số tiền này là tiền bà L bán 02 con gà trong tổng số 19 con gà mà bà L mua của bị cáo S và N nên cần trả lại số tiền này cho người bị hại là chị Đỗ Thị H theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Đỗ Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T và bà Lò Thị L không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Sý Văn S; khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Lê Thị N;

Điều 41Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với hai bị cáo:

1. Tuyên bố các bị cáo Sý Văn S, Lê Thị N phạm tội "Trộm cắp tài sản" .

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Sý Văn S 12 tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam là 01 tháng 12 ngày, thời hạn tù còn lại là 10 tháng 18 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị N 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

3. Về vật chứng của vụ án:

- Trả lại cho bà Lê Thị T 01xe mô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO SX biển kiểm soát 37E1-26858 và 01 kìm cộng lực.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Sam Sung Dous màu vàng bên trong có 01 sim điện thoại Viettel và 01 thẻ nhớ 16GB; 01 điện thoại Q-Mobile màu trắng, bên trong có 02 sim điện thoại Viettel và 01 thẻ nhớ 2GB.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bao tải màu vàng.

- Trả lại cho bà Lò Thị L 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

- Trả lại cho chị Đỗ Thị H 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 12/02/2018 giữa Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu).

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại chị Đỗ Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lê Thị T được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lò Thị L được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;
- Công an thành phố Lai Châu;
- Chi cục THA thành phố Lai Châu;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Phương